

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

PHẠM SỸ CƯỜNG. *Ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng và Nam Cao*

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 62 22 01 21

Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng và Nam Cao là ba đại diện xuất sắc, tiêu biểu cho ba giai đoạn phát triển của chủ nghĩa hiện thực Việt Nam. Sáng tác của ba tác giả lớn này có giá trị, đóng góp lớn lao trên nhiều phương diện đối với nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Từ phương diện ngôn ngữ đối thoại, ba nhà văn đã tạo nên một hành trình sáng tạo vô cùng thú vị và ý nghĩa. Mỗi người, từ quan niệm riêng, cái nhìn và tài năng của mình, đã tổ chức ngôn ngữ đối thoại để đem đến cho chủ nghĩa hiện thực những trang văn phong phú, đa dạng và đặc sắc. Soi chiếu tác phẩm của ba nhà văn tiêu biểu từ góc độ ngôn ngữ đối thoại, những nội dung được phân tích, làm rõ trong đề tài luận án tiến sĩ *Ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng và Nam Cao* của NCS. Phạm Sỹ Cường phản ánh một cách hệ thống về những đặc sắc ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác của họ.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình nghiên cứu, thư mục tham khảo, Luận án gồm 4 chương.

Chương 1: *Tổng quan vấn đề nghiên cứu và khái quát về ngôn ngữ đối thoại trong văn học hiện thực phê phán Việt Nam*

Ngôn ngữ đối thoại là một phương diện quan trọng của ngôn ngữ nghệ thuật, gắn

liền với phong cách nghệ thuật của nhà văn, góp phần làm nên thành tựu của một trào lưu văn học, nhất là văn học hiện thực phê phán. Thông qua ngôn ngữ đối thoại, nhà văn xây dựng nhân vật, phản ánh thực tại và bộc lộ thái độ, tư tưởng của mình. Các nhà văn hiện thực, do nguyên tắc thẩm mỹ riêng, lấy hiện thực trực tiếp làm đối tượng miêu tả, cắt nghĩa, đã sử dụng ngôn ngữ đối thoại vô cùng hiệu quả. Ngôn ngữ đối thoại, vì thế, không chỉ là mối quan tâm của người sáng tác, mà còn được độc giả và các nhà nghiên cứu, phê bình chú tâm một cách đặc biệt.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu hướng đến ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác của ba cây bút lớn Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng và Nam Cao nhưng phần lớn chỉ dừng lại trong phạm vi hẹp của từng công trình nghiên cứu. Đặt ba tác giả vào quá trình phát triển của trào lưu văn học hiện thực phê phán, Luận án tập trung nghiên cứu ngôn ngữ đối thoại ở nhiều cấp độ khác nhau; phân tích, làm rõ những đặc sắc ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác của ba nhà văn này; qua đó tìm ra sự nhất quán giữa quan niệm về cuộc đời, con người và cách tổ chức ngôn ngữ đối thoại của mỗi nhà văn trong tác phẩm, góp phần làm nên phong cách độc đáo của bản thân nhà văn và trào lưu hiện thực.

Chương 2: *Ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác Nguyễn Công Hoan*

Nguyễn Công Hoan là cây bút hiện thực với phong cách trào phúng. Ông đã có những đóng góp hết sức quan trọng cho trào lưu hiện thực chủ nghĩa nói riêng, nền

văn xuôi hiện đại nói chung. Quan niệm cuộc đời là một tấn bi hài kịch đã khiến nhà văn triển khai các truyện ngắn như những vở kịch bằng văn xuôi. Mỗi truyện ngắn của nhà văn giống như những hoạt cảnh chèo, những màn sân khấu, những vở kịch truyền thống ngắn gọn, sống động và hiệu quả. Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan vì thế được sử dụng với tần số dày đặc, tạo nên những hiệu quả nghệ thuật rất riêng. Hoàn cảnh của nhân vật được thể hiện tự nhiên, sắc nét. Tính cách nhân vật được khắc họa, nhất là những nhân vật có tính chất phản diện. Thông qua đối thoại, nhà văn khắc họa chân dung nhân vật, thể hiện hoàn cảnh của nhân vật và thúc đẩy cốt truyện, gia tăng kịch tính.

Trong số 103 truyện ngắn Nguyễn Công Hoan được khảo sát, có tới 98 truyện có sử dụng ngôn ngữ đối thoại. Trong đó có tới 54 truyện ngắn có 10 lượt thoại trở lên trong một trang truyện, thậm chí có tới 5 truyện ngắn mà mỗi trang truyện có từ 20 lượt thoại trở lên: *Nhân tình tôi* (21 lượt/trang), tiếp đến là *Oăn tà roăn* (20 lượt/trang), *Cái ví ấy của ai* (21 lượt/trang), *Cái lò gạch bí mật* (24 lượt/trang). Tác phẩm có số lượt thoại nhiều nhất là *Cái lò gạch bí mật* (174 lượt thoại), tiếp đến là *Oăn tà roăn* (91 lượt thoại), *Samandji II* (83 lượt thoại) và *Sóng vũ môn* (82 lượt thoại). Nhìn từ góc độ đoạn thoại, phổ biến nhất là truyện có 3 đoạn thoại giống như vở kịch 3 màn (có 30 truyện ngắn ở dạng này). Tiếp đó là 20 truyện ngắn có 2 đoạn thoại. Ngược lại, những truyện có 8 hoặc 10 đoạn thoại chỉ dừng lại ở con số 1 (*Cái lò gạch bí mật*). Bên cạnh đó có 35 truyện kết thúc bằng lời thoại của nhân vật. Nhiều trang truyện chỉ

có 2 đến 3 lời dẫn thoại, còn lại là những đối thoại liên tiếp của các nhân vật.

Với ngôn ngữ đối thoại của nhân vật, Nguyễn Công Hoan đã góp phần đem đến một luồng sinh khí, một sức mạnh biểu đạt mới cho văn học Việt Nam, tạo nên được tiếng cười hài hước, trào phúng thú vị nhưng cũng vô cùng thâm thúy, cảm động. Ngôn ngữ đối thoại trở thành linh hồn trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan, tạo nên sự tự nhiên, bất ngờ, hấp dẫn.

Chương 3: *Ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác Vũ Trọng Phụng*

Vũ Trọng Phụng được học giả nước ngoài đánh giá là nhà văn đứng ngang tầm với bất kỳ nhà văn vĩ đại nào của thế giới. Những tiểu thuyết, phóng sự, truyện ngắn... của nhà văn yếu mệnh này đã sống tiếp cuộc đời của người cha để tinh thần của mình.

Xuất phát từ cái nhìn cuộc đời đảo điên, “vô nghĩa lý” và con người xấu xa, tha hóa đến tận cùng, Vũ Trọng Phụng đã tổ chức ngôn ngữ đối thoại vô cùng đặc sắc trong các tác phẩm tiểu thuyết (bao gồm tiểu thuyết hiện thực nghiêm ngặt và tiểu thuyết trào phúng) và phóng sự. Nhà văn đã dùng ngôn ngữ đối thoại không phải chỉ để khắc họa chân dung nhân vật mà còn nhằm cung cấp thông tin, lộn mặt trái nhân vật, mà phần lớn là những nhân vật đa diện, phức tạp, nhất là những nhân vật diễn trò, có tầm cỡ, có tác động mạnh mẽ tới xã hội tư sản thành thị trong công cuộc Âu hóa. Điều thú vị là, nhà văn đã thể hiện ngôn ngữ đám đông như hình ảnh thu nhỏ của xã hội với tất cả sự ồn ào, bát nháo, hỗn tạp. Đám đông xuất hiện ở tất cả các thể loại: truyện ngắn, kịch, phóng sự và tiểu thuyết, đó là đám đông nông dân (*Vỡ đê*), thị dân (*Số đỏ*), có khi là những nhà báo, thậm chí là

những con nghiện, gái điếm (*Giông tố*), con bạc (*Cạm bẫy người*)...

Thông qua ngôn ngữ đối thoại, Vũ Trọng Phụng phát hiện và thể hiện hiện thực với tất cả sự bộn bề, đảo điên, náo loạn của nó. Ở mỗi thể loại sở trường, Vũ Trọng Phụng lại có cách tổ chức ngôn ngữ đối thoại để chúng phát huy sức mạnh riêng. Điều này góp phần làm cho văn xuôi hiện thực không chỉ hấp dẫn mà còn phong phú, có hiệu quả nghệ thuật cao hơn.

Vũ Trọng Phụng là người trải sức và thành công ở nhiều thể loại nhất. Ngôn ngữ đối thoại góp phần làm nên nét đặc sắc ở cả tiểu thuyết hiện thực nghiêm ngặt (*Giông tố*, *Vỡ đê*, *Trúng số độc đắc*), tiểu thuyết hiện thực trào phúng (*Số đỏ*) và phóng sự (*Cạm bẫy người*, *Kỹ nghệ lấy Tây*, *Com thày com cô*, *Lục xì*). Đối thoại của đám đông trong tiểu thuyết trào phúng của nhà văn này cũng độc đáo không kém, có tới 25 lần đa thoại xuất hiện trong *Số đỏ*; *Giông tố*: 23, *Vỡ đê*: 17, *Trúng số độc đắc*: 12. Mỗi lần có đối thoại của đám đông là một lần độc giả lại được cười, lại được thấy bao nhiêu lớp lang hiện thực, bao nhiêu tính cách của những hạng người được phô bày.

Ý thức đối thoại và cá tính thần sắc sảng đối đầu của Vũ Trọng Phụng là rất rõ ràng, rất quyết liệt. Ông xông xáo vào những đề tài nóng, nguy hiểm, nhạy cảm để rồi bị cả đối tượng bị phanh phui lẫn độc giả hiểu lầm, công kích, thậm chí trả thù nhưng ông vẫn không chút e dè. Vũ Trọng Phụng không chỉ sáng tác như một nhà văn mà còn bút chiến, luận chiến như một nhà nghiên cứu, phê bình, một nhà hoạt động xã hội. Sự nhiệt huyết, sôi sục của Vũ Trọng Phụng đã được chuyển hóa vào ngôn ngữ đối thoại của nhân vật hết sức thành công.

So với Nguyễn Công Hoan, ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác Vũ Trọng Phụng có màu sắc riêng, linh hoạt, hiện đại hơn.

Chương 4: *Ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác Nam Cao*

Cầm bút khi chủ nghĩa hiện thực bắt đầu có dấu hiệu thoái trào nhưng Nam Cao lại khiến cho trào lưu này có được những thành tựu vượt bậc. Nhà văn coi trọng “cảm giác và tư tưởng”, quan tâm đến quá trình tha hóa của nhân vật nhưng không mất niềm tin vào con người, bởi vậy ông đã tổ chức ngôn ngữ đối thoại với một chiều sâu đặc biệt. Với Nam Cao, ngôn ngữ đối thoại của nhân vật có thể không nhiều nhưng tính đối thoại trong tác phẩm của ông lại rất cao. Ngôn ngữ đối thoại thể hiện cá tính nhân vật, chủ yếu ở phương diện tâm lý. Ông đã sử dụng ngôn ngữ đối thoại để tạo nên ngôn ngữ độc thoại nội tâm khơi sâu vào con người “cảm giác và tư tưởng”. Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật đã hòa phối cùng ngôn ngữ trần thuật để tạo ra ngôn ngữ nửa trực tiếp, thể hiện chiều sâu của hiện thực và chiều sâu tâm lý, tầm cao tư tưởng của con người

Từ cánh đồng Đại Hoàng nhọc nhằn đến những trường tư ngột ngạt, lay lắt, “ông giáo quèn”, nhà văn nghèo Nam Cao đã chứng kiến biết bao nhiêu kiếp sống cơ cực, bế tắc. Nhà văn đã hình thành cho mình một “đôi mắt”, một cách nhìn riêng về con người và cuộc đời. Ông luôn quan tâm đến những cảm giác và cảm xúc, tâm tư của nhân vật. Nhà văn lặn sâu vào đời sống nội tâm con người để lắng nghe, thấu hiểu, đối thoại... Ông nhận ra con người gần gũi, đời thường bị bầm dập vì miếng cơm, vì mưu sinh, vì mưu mô. Nhưng nhà văn cũng luôn hướng tới con người biết nghĩ suy, trọng tư

tưởng, ông tin vào con người, ngay cả khi họ đã trượt dài xuống cái kiếp lưu manh và dốt tha hóa. Ông hy vọng vào ánh sáng của chân trời mới, dù còn rất xa.

Từ quan niệm sâu sắc ấy về con người, Nam Cao đã sử dụng ngôn ngữ đối thoại để tiếp tục hành trình “cố mà hiểu” con người, hiểu thấu họ bằng tình thương và niềm tin. Nhà văn đã tổ chức ngôn ngữ đối thoại để khắc họa nhân vật với chiều sâu tâm lý, con người với cá tính. So với Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao có thể không sử dụng ngôn ngữ đối thoại của nhân vật với tần suất lớn nhưng ngôn ngữ đối thoại trong truyện của ông gắn bó chặt chẽ với tính đa thanh, phức điệu. Với ông, đối thoại không dừng lại ở ngôn ngữ trực tiếp của nhân vật mà tham gia rất nhiều, rất sâu vào độc thoại nội tâm, tham gia vào ngôn ngữ nửa trực tiếp. Chính vì vậy, nhà văn không chỉ phản ánh được hiện thực ở nhiều góc nhìn, nhiều giọng điệu, ông còn tạo ra cuộc đối thoại với các tư tưởng, với thời đại của mình.

Bên cạnh những độc thoại nội tâm giữa những lời thoại của nhân vật tham gia đối thoại, độc thoại nội tâm của người không tham gia vào cuộc thoại nhưng lại vô tình hay hữu ý lắng nghe được cuộc thoại rồi suy tư, trăn trở, đối thoại âm thầm đã khiến cho văn chương của Nam Cao thêm mới mẻ, linh hoạt. Một loạt những truyện ngắn như *Chí Phèo*, *Dì Hảo*, *Nửa đêm*, *Một bữa no*, *Một chuyện xú vợ nia*, *Điếu văn*, *Giăng sáng*, *Mua nhà*... đã xuất hiện dạng độc thoại nội tâm này. Nam Cao lại dùng độc thoại nội tâm để hướng nội,

tạo độ lắng. Khi ấy, cả nhân vật và độc giả chìm vào suy tư, chiêm nghiệm. Sâu xa hơn, Nam Cao muốn tạo tính đa thanh, ngay cả khi tác phẩm khép lại, có tới 18/39 truyện ngắn của ông khép lại bằng độc thoại nội tâm.

Nghiên cứu những đặc sắc ngôn ngữ đối thoại của nhân vật trong sáng tác Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng và Nam Cao, Luận án không chỉ tìm ra những nét riêng trong ngôn ngữ đối thoại của mỗi nhà văn, mà còn thấy được sự vận động, phát triển về ngôn ngữ đối thoại trong sáng tác của ba tác giả này. Những trang văn của Nguyễn Công Hoan khiến người ta bật cười khoái trá, của Vũ Trọng Phụng truyền cho độc giả cảm giác sôi sục, căm uất, còn của Nam Cao lại lắng xuống với bao nhiêu suy tưởng, day dứt, ám ảnh, buồn nhưng vẫn mang bao nhiêu hy vọng... Ở một góc độ khác, có thể nói không đọc ngôn ngữ đối thoại trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan sẽ không thấy được cuộc đời với tất cả sự thô tục; không đọc ngôn ngữ đối thoại trong tiểu thuyết và phóng sự Vũ Trọng Phụng sẽ không thấy hết được cái bề bộn, lố lăng, phức tạp, đảo điên của cuộc sống; không đọc ngôn ngữ đối thoại trong truyện ngắn Nam Cao sẽ không thấy được những bi kịch tinh thần, chiều sâu của đời sống nội tâm và tầm cao của tư tưởng con người.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp trường, họp tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2017.

TV.
giới thiệu